

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành  
Công trình: Bê tông hóa đường trục thôn**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VIỆT AN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ các Nghị định: số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính; Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 91/2025/TT-BTC ngày 26/9/2025 của Bộ Tài chính quy định về hệ thống biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ các Quyết định của UBND xã Thăng Phước (cũ): số 495/QĐ-UBND ngày 03/6/2024 về việc phê duyệt hồ sơ xây dựng công trình bê tông hóa đường trục thôn; Quyết định số 378/QĐ-UBND ngày 11/3/2026 của UBND xã Việt An về việc phê duyệt điều chỉnh Hồ sơ xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 19/9/2025 của UBND xã Việt An về việc điều chỉnh, giao nhiệm vụ chủ đầu tư các công trình, dự án đầu tư công, dự án sử dụng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư do các phòng, đơn vị chuyên môn trực thuộc UBND huyện làm chủ đầu tư (bao gồm dự án UBND các xã cũ làm chủ đầu tư, quyết định đầu tư) khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 442/BCTTQT-PKT ngày 19/5/2026 của Phòng Kinh tế xã Việt An (cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán).

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành:

- Tên dự án: Bê tông hóa đường trục thôn.
- Mã số dự án: 8094966.
- Chủ đầu tư: Phòng Kinh tế xã Việt An.
- Địa điểm xây dựng: Xã Việt An, thành phố Đà Nẵng.
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế): 20/8/2024 - 17/4/2025.

**Điều 2.** Kết quả đầu tư:

## 1. Chi phí đầu tư:

TT	Nội dung	Giá trị kiểm toán độc lập (đồng)	Giá trị quyết toán được phê duyệt (đồng)
	<b>Tổng số</b>	<b>1.079.276.000</b>	<b>1.076.632.000</b>
1	Xây dựng	981.574.000	981.574.000
2	Thiết bị	0	0
3	Quản lý dự án	19.815.000	19.815.000
4	Tư vấn	63.198.000	63.198.000
5	Chi phí khác	14.689.000	12.045.000
6	Dự phòng	0	0

## 2. Nguồn vốn đầu tư:

TT	Nội dung	Giá trị kiểm toán độc lập (đồng)	Giá trị quyết toán được phê duyệt (đồng)
1	2	3	4
	<b>Tổng số</b>	<b>1.079.276.000</b>	<b>1.076.632.000</b>
1	Vốn đầu tư dự án	1.079.276.000	1.076.632.000
1.1	<i>Ngân sách Nhà nước</i>	1.079.276.000	1.076.632.000
1.2	<i>Vốn từ nguồn thu hợp pháp khác</i>	0	0
2	Vốn khác	0	0

## 3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

- Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không có.
- Chi phí không tạo nên tài sản: Không có.

4. Giá trị tài sản hình thành là kết quả của quá trình thực hiện dự án: 1.076.632.000 đồng.

- Giá trị thực tế: 1.076.632.000 đồng.
- Giá trị quy đổi (nếu có): Không có.

5. Giá trị vật tư, vật liệu, thiết bị tồn đọng (nếu có): Không có.

**Điều 3.** Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

## 1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4
	<b>Tổng số</b>	<b>1.076.632.000</b>	
1	Vốn đầu tư công	1.076.632.000	
1.1	<i>Vốn Ngân sách Nhà nước</i>	1.076.632.000	
1.2	<i>Vốn từ nguồn thu hợp pháp khác</i>	0	
2	Vốn khác	0	

b) Các khoản công nợ tính đến ngày lập báo cáo theo giá trị quyết toán tại quyết định này (tính đến ngày 20/5/2026) là: 183.093.000 đồng, trong đó:

- Tổng kinh phí phải thu hồi, nộp trả ngân sách do bố trí vốn thừa so với giá trị phê duyệt quyết toán: 102.601.000 đồng.

- Tổng nợ phải trả (thanh toán): 80.492.000 đồng. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Hạng mục chi phí	Được thanh toán	Đã thanh toán	Nợ phải trả	Nợ phải thu (-)
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>981.574.000</b>	<b>921.540.000</b>	<b>60.034.000</b>	<b>0</b>
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>19.815.000</b>	<b>17.800.000</b>	<b>2.015.000</b>	<b>0</b>
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư và xây dựng</b>	<b>63.198.000</b>	<b>56.800.000</b>	<b>6.398.000</b>	<b>0</b>
1	Chi phí lập hồ sơ xây dựng	30.401.000	27.300.000	3.101.000	0
2	Chi phí giám sát thi công	32.797.000	29.500.000	3.297.000	0
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>12.045.000</b>	<b>0</b>	<b>12.045.000</b>	<b>0</b>
1	Chi phí thẩm định hồ sơ xây dựng				<b>0</b>
2	Chi phí kiểm toán	11.545.000	0	11.545.000	0
3	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	500.000		500.000	0
<b>V</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.076.632.000</b>	<b>996.140.000</b>	<b>80.492.000</b>	<b>0</b>

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước đã bố trí cho công trình: 1.179.233.000 đồng.

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước đã bố trí thừa cho công trình phải thu hồi nộp trả ngân sách số tiền: 102.601.000 đồng.

- Phối hợp với Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII tiến hành làm thủ tục thanh toán dứt điểm công nợ của công trình theo quy định số tiền: 80.492.000 đồng.

## 2. Trách nhiệm của các đơn vị liên quan:

a) Đơn vị tiếp nhận tài sản ghi tăng giá trị tài sản; quản lý khai thác theo quy định:

Đơn vị tính: đồng

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn	Tài sản ngắn hạn	Nguồn vốn
Phòng Kinh tế xã Việt An	<b>1.076.632.000</b>		Ngân sách nhà nước

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện thẩm tra, thẩm định dự án đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, tổng dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà thầu chịu trách nhiệm về tính đúng đắn của khối lượng, tính phù hợp của đơn giá trong hồ sơ báo cáo kết

quả thẩm tra, thẩm định theo quy định của pháp luật.

c) Phòng Kinh tế xã có trách nhiệm: Theo dõi bảo hành công trình và tổ chức bàn giao toàn bộ các hồ sơ gồm: Pháp lý, nghiệm thu, hoàn công và quyết toán cho đơn vị quản lý, sử dụng tài sản sau khi hết thời hạn bảo hành công trình để Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã tiếp tục thực hiện việc bảo trì công trình theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

d) Các cá nhân thực hiện nhiệm vụ cho Chủ đầu tư giai đoạn thực hiện dự án (UBND xã Thăng Phước cũ) chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND xã về việc chấp hành trình tự đầu tư và xây dựng theo quy định của pháp luật, tính pháp lý của hồ sơ quyết toán, tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán, tính chính xác của khối lượng do chủ đầu tư và các nhà thầu nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán, tính phù hợp của đơn giá do chủ đầu tư và các nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng, khối lượng thực tế cũng như số lượng, chủng loại của các vật liệu đưa vào thi công công trình.

e) Phòng Kinh tế xã được phép ghi tăng giá trị tài sản theo giá trị tài sản được phê duyệt quyết toán; đồng thời có Trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ bàn giao từ Phòng Kinh tế xã, gồm: Hồ sơ pháp lý, nghiệm thu, hoàn công và quyết toán để theo dõi tài sản trong quá trình quản lý, sử dụng tài sản có hiệu quả và thực hiện bảo trì công trình theo đúng quy định của Nhà nước.

g) Các nghiệp vụ khác (nếu có): Không có.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng phòng Kinh tế xã, Giám đốc Trung tâm Cung ứng dịch vụ sự nghiệp công xã, Phòng Giao dịch số 11 - Kho bạc Nhà nước khu vực XIII và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, PKT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Ngọc Hoàng Việt**